

VỀ CẢI CÁCH CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁO DỤC*

• **NGUYỄN QUANG KÍNH**

Những xu hướng phát triển giáo dục liên hệ với thực trạng giáo dục Việt Nam

19. Giải quyết những vấn đề về giáo dục không thể chỉ vì mong muốn phù hợp với cơ chế thị trường mà còn phải phù hợp với tiến trình phát triển có tính tất yếu của trào lưu giáo dục thế giới. Từ quá trình phát triển giáo dục trong thế kỉ 20 ở các nước phát triển và những biến chuyển của các cuộc CCGD trong 5-6 thập kỉ đã qua, Bách khoa toàn thư Việt Nam đã dự báo trong thế kỉ 21, giáo dục sẽ phát triển theo 4 xu thế: (i) Xã hội hóa: Ai cũng được học hành, toàn xã hội chăm lo giáo dục; (ii) Dân chủ hóa: Nhà trường lấy người học làm chủ thể, khơi dậy ở người học tính tự giác, cách dạy nhồi nhét bị loại bỏ, hệ thống giáo dục ngày càng phi tập trung về tổ chức và quản lí; (iii) Hiện đại hóa: Thành tựu khoa học-công nghệ (KHCN) sớm được giảng dạy, nhà trường ứng dụng KHCN để đổi mới phương pháp và phương tiện giáo dục; (iv) Cá biệt hóa: Việc dạy học phù hợp với điều kiện và khả năng của từng học sinh [4].

20. Một xu thế nữa chưa được đề cập ở trên là, trong điều kiện KHCN phát triển mạnh mẽ, nhu cầu học tập suốt đời cũng như việc xây dựng xã hội học tập trở thành hợp lưu của bốn xu thế phát triển nêu trên, trong đó ngày càng khó phân định một cách rạch ròi giữa các phương thức giáo dục chính quy (formal), không chính quy (nonformal) và phi chính quy (informal) do sự xâm nhập lẫn nhau ngày càng phổ biến giữa các phương thức này. Trong bối cảnh đó, việc đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời trong một xã hội học tập trở thành nội dung cơ bản của triết lí giáo dục (xét về mặt lí luận) và là chuẩn mực của công việc thiết kế hệ thống (xét về thực tiễn hoạt động giáo dục) [1] [10]. Bằng việc áp dụng những thành tựu của công nghệ thông tin và truyền thông, HTGD sẽ là một hệ thống mở, hết

sức đa dạng và linh hoạt, có tính liên thông cao, trong đó mọi người đều có cơ hội học tập, mỗi người có thể lựa chọn nội dung, phương pháp học tập thích hợp và có thể học bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào theo sự lựa chọn của bản thân. [8]

21. Theo xu thế phát triển của giáo dục thế giới, nước ta phải nâng dần trình độ giáo dục phổ cập bằng cách thực hiện miễn phí đối với cả hai cấp tiểu học và trung học cơ sở, tiến đến chỗ cưỡng bách giáo dục 9 năm, đồng thời đa dạng hóa các hình thức giáo dục sau trung học, qua đó từng bước mở rộng quy mô giáo dục đại học, tất nhiên phải bảo đảm yêu cầu về chất lượng, để GDDH chuyển dần từ tinh hoa sang đại chúng. Bên cạnh đó, cần tăng cường áp dụng công nghệ thông tin và truyền thông để làm thay đổi phương pháp dạy học, biến nhà trường kiểu cũ thành nhà trường kiểu mới, từng bước hoàn thiện mô hình giáo dục mở. Ngay tới đây, không thể duy trì tình trạng chỉ áp dụng một chương trình và một bộ sách giáo khoa trong giáo dục phổ thông. Hướng giải quyết tất yếu là chương trình giáo dục phổ thông phải trở thành tổ hợp gồm nhiều nhánh để học sinh có thể tự chọn và ở đại học, phải tiến đến áp dụng rộng rãi hệ thống tín chỉ để sinh viên chủ động thực hiện (tự chọn tiến trình và thời gian). [1]

Đổi mới tư duy giáo dục là nhân tố quan trọng để cải cách quản lí giáo dục

22. Muốn tiến hành cải cách QLGD nói riêng và CCGD nói chung, trong đó có nhiều việc phải làm từ gốc, thì bước khởi đầu là thay đổi tư duy giáo dục để thoát khỏi quán tính của cách nghĩ, cách làm cũ kĩ. Đổi mới tư duy giáo dục trước hết là thay đổi quan niệm về sứ mạng giáo dục, đối tượng giáo dục, mục tiêu và yêu cầu đào tạo, để căn cứ vào đó, xác định những gì cần thay đổi về cơ cấu HTGD, về nội dung, phương pháp của từng bậc học và, cuối cùng, điều có ý nghĩa quyết định sự thành bại, là tổ

* Tiếp theo kì trước



chức quản lí như thế nào để đạt được mục tiêu giáo dục. [5]

23. Khi thảo luận về sứ mạng và mục tiêu giáo dục, một số tác giả đã cảnh báo về khả năng dễ dàng sa vào quan niệm thiển cận và thực dụng, nếu khu trú nhiệm vụ của giáo dục chỉ còn là đáp ứng yêu cầu xã hội về mặt nhân lực (đành rằng sự khan hiếm nhân lực có trình độ chuyên nghiệp đang là bức xúc). [1] [2] [3] Điều cần phải nhấn mạnh về sứ mạng của giáo dục, chính là phát triển con người, rèn đúc các thế hệ và đổi mới cả dân tộc. Đây chính là cái bất biến để từ đó ứng vạn biến – một nguyên tắc xử lí vấn đề ở tầm chiến lược. [1]

24. Bước vào thập kỉ cuối cùng của thế kỉ 20, UNESCO đã xác định bốn trụ cột của nền giáo dục là: Học để biết, học để làm, học để cùng chung sống, học để làm người. “Học để biết là nắm vững những công cụ để “hiểu”. Học để làm là rèn luyện khả năng hoạt động sáng tạo tác động vào môi trường của mình. Học để chung sống là tham gia và hợp tác với những người khác trong mọi hoạt động của con người. Học để làm người là sự tiến triển quan trọng nảy sinh từ ba loại hình học tập nói trên.” [9] Đây là những định hướng đơn giản, thiết thực, nhưng rất sâu sắc đối với các nhà hoạch định chính sách phát triển giáo dục.

Tại Pháp, Edgar Morin và một số nhà khoa học cho rằng, mục đích cuối cùng của giáo dục là: 1/ Hình thành những khối óc được rèn luyện tốt, đào tạo những con người đủ năng lực tổ chức các tri thức chứ không phải tích lũy các hiểu biết theo kiểu chất đầy vào kho; 2/ Giáo dục về hoàn cảnh con người, làm cho mỗi người có ý thức sâu sắc thế nào là một con người; 3/ Học cách sống, chuẩn bị cho thế hệ trẻ biết đối mặt với những khó khăn, bất trắc và những vấn đề tồn tại con người; 4/ Thực tập tư cách công dân, có năng lực đối thoại, khoan dung trong một thế giới đa dạng hơn bao giờ hết. [6] Để hình thành những khối óc được rèn luyện tốt, đào tạo những con người có đủ năng lực, chắc chắn không thể đơn giản hóa quá trình giáo dục. Càng không thể ỷ lại vào một thực tế là “tri thức nhân loại có đầy rẫy trên mạng” chỉ cần nhấp chuột là có. Sarkozy đã có

lí khi cho rằng, “Công nghệ thông tin phải nằm ở trung tâm suy nghĩ của chúng ta về giáo dục trong thế kỉ 21, nhưng cũng không được xem nhẹ sự thực rằng, mối quan hệ nhân văn giữa giáo dục và trẻ em vẫn là cơ bản và giáo dục cũng phải làm cho trẻ em thấm nhuần được mùi vị của những nỗ lực, để chúng phát hiện ra rằng, niềm vui hiểu bài sau những giờ học dài là một phần thưởng.” Có thể còn có những tranh cãi, rằng đây là chuyện của nước Pháp, nhưng chắc chắn những ý kiến đó phản ánh tư duy mới về giáo dục, rất bổ ích khi xác định mục đích, mục tiêu của nền giáo dục phổ thông ở nước ta.

25. Đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, trước hết phải nhận thức đúng vị trí quan trọng của các bậc học này trong việc hình thành và phát triển nhân cách cũng như xây dựng nền tảng học vấn cho một con người. Trong xu thế phát triển giáo dục, càng ngày các nhà giáo dục càng nhấn mạnh yêu cầu dân chủ hóa “Người học là chủ thể, cần khơi dậy ở người học tính tự giác, chống cách dạy nhồi nhét, áp đặt”; và cá biệt hóa: “Làm cho việc dạy học phù hợp với điều kiện và khả năng của từng học sinh”. Như vậy, phải từ bỏ quan niệm sai lầm về đối tượng, coi trẻ em là tờ giấy trắng để rồi (tùy tiện) vẽ lên những mẫu hình theo ý muốn chủ quan. Thay vào đó, nhà trường/ nhà giáo cần hành động trên cơ sở nhận thức rằng, mỗi học sinh vừa là đối tượng vừa là chủ thể của một quá trình đồng nhất giáo dục và tự giáo dục, để từ đó tôn trọng sự phát triển nhân cách ở mỗi em, khơi dậy những tiềm năng của từng em. Đồng thời, phải khắc phục tình trạng nhăm lẩn, coi tất cả các trường phổ thông đều như nhau, quan niệm thống nhất là duy nhất, từ đó áp dụng cứng nhắc một chương trình, một bộ sách giáo khoa từ mũi Cà Mau cho đến đỉnh Đổng Văn, bất chấp những khác biệt về điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội nơi đứa trẻ đang sống cùng cha mẹ. [1]

26. Đối với giáo dục nghề nghiệp, cần xác định nhiệm vụ trung tâm đột xuất hiện nay là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, song không thể quan niệm chất lượng của nhân lực chỉ giới hạn ở kiến thức, kĩ năng, tay nghề mà xem nhẹ việc bồi dưỡng tâm nghề nghiệp, kỉ luật lao

động cũng như rèn luyện các thói quen chu đáo, ngăn nắp. Chính những biểu hiện yếu kém về đạo đức, ý thức, thái độ đang là một nhân tố quan trọng làm giảm chất lượng của nguồn nhân lực nước ta. Về vĩ mô, cần xác định quan hệ liên thông/ liên thuộc giữa GDNN với GDPT và GDĐH đồng thời, định vị cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề một cách chính xác. Nếu nhiệm vụ chính là phát triển nguồn nhân lực thì phải bảo đảm sự thống nhất trong việc quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, còn nếu nhiệm vụ chính là giải quyết các vấn đề xã hội (dạy nghề để xóa đói giảm nghèo, để giúp những người phạm pháp hoàn lương...) thì nên để như hiện nay. Nên cân nhắc kinh nghiệm Hàn Quốc, Australia và một số nước khác về việc hình thành một cơ quan nhà nước thống nhất quản lý về giáo dục và phát triển nguồn nhân lực. [1] [12]

27. Đối với giáo dục đại học, tiền đề của những cải cách là xác định đúng vị trí, vai trò, sứ mạng của cấp học này. Đại học là bậc học cao nhất, là giai đoạn cuối cùng của quy trình học tập theo trường lớp nhưng lại đóng vai trò đầu tàu trong sự nghiệp đổi mới và cải cách HTGD của một nước. Phải từ bỏ những hệ lụy của cơ chế kế hoạch hóa tập trung, xin - cho bao cấp (không chỉ về chỉ tiêu đào tạo và kinh phí mà cả về chương trình, nội dung, phương pháp) khiến cho đến nay đại học vẫn chưa ra khỏi tình trạng yếu kém mà nhiều tác giả coi là cấp 4 của giáo dục phổ thông. Thay vào đó, cần có những ứng xử phù hợp vị thế của đại học, nơi đào tạo tầng lớp trí thức, cái nôi của những ý tưởng mới, của những phát minh, sáng chế. Nhân ái, trung thực, sáng tạo và trách nhiệm là bốn phẩm chất quan trọng của người trí thức, rất cần bồi dưỡng cho các thế hệ sinh viên, do đó phải được xem là yêu cầu có tính nguyên tắc trong việc xác định mục tiêu, xây dựng chương trình, lựa chọn nội dung và phương pháp giáo dục ở cấp học này. Trên cơ sở đó, nhà trường đại học phải tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên rèn luyện thói quen suy nghĩ độc lập, không ngại trình bày những điều trái ngược với những điều được nghe giảng một khi thấy không hoặc chưa ổn so với những gì mình chiêm nghiệm từ cuộc sống, từ sách vở.

Sinh viên phải được đối xử với thái độ tôn trọng như những thành viên đã trưởng thành và có học vấn của một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Giáo sư, phó giáo sư là các chức vụ khoa học của một trường đại học, cao đẳng cụ thể, do người đứng đầu nhà trường bổ nhiệm, không phải là một học hàm. Đào tạo tiến sĩ chủ yếu nhằm tạo nguồn lực nghiên cứu khoa học và giảng dạy đại học, cao đẳng, không yêu cầu những người không có ý định cống hiến trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và giáo dục - đào tạo đi học để lấy bằng tiến sĩ. Gần đào tạo với nghiên cứu khoa học không chỉ là công việc của riêng các "đại học nghiên cứu" hoặc những đại học đầu đàn, mà phải là hoạt động thường xuyên của mọi đại học. Và điều quan trọng, nghiên cứu phải là công việc thường xuyên của mọi giảng viên đại học, cao đẳng. Chỉ có với thái độ như vậy trong một không gian tự do về học thuật thì nhà trường đại học mới đào tạo được những nhà khoa học chân chính, những nhà kĩ thuật thực thụ, những nhà quản lý chuyên nghiệp. [1] [2] [3] [13]

28. Trong quá trình đổi mới tư duy, việc học hỏi kinh nghiệm của các nước phát triển là cần thiết, song không thể dễ dàng lâm vào tình trạng vọng ngoại một cách máy móc. Vấn đề có tính nguyên tắc là, phải xuất phát từ thực tế Việt Nam, phải lựa chọn những giải pháp phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của Việt Nam. Trên thực tế đã xảy ra một số trường hợp bắt chước mô hình giáo dục nước khác mà chưa tìm hiểu kĩ thực chất, chưa rõ được những điều kiện KTXH và lịch sử hình thành mô hình đó. Chính người Mỹ đã cho rằng đã có một số lầm lẫn khi tìm hiểu mô hình giáo dục Mỹ để định áp dụng vào Việt Nam, điển hình là việc "đồng nhất hóa" trường tư của Mỹ vào cùng một loại do tư nhân đầu tư và làm chủ rồi gộp những trường tư danh tiếng như Đại học Harvard vào đó để đi đến kết luận "nhiều trường đại học hàng đầu của Mỹ là trường tư" từ đó nêu ra một định hướng không chính xác: "tư nhân hóa" đại học để phát triển quy mô và nâng cao chất lượng GDĐH. Với cách nghiên cứu kinh nghiệm nước ngoài hời hợt, đã có không ít trường hợp ta cố áp dụng cái người ta



đang tìm cách loại bỏ, kết quả là đi theo lối mòn, không thể tiến kịp các nước phát triển. [1]

29. Vì giáo dục là một vấn đề xã hội cực kì nhạy cảm nên đổi mới tư duy giáo dục của các nhà hoạch định chính sách và quản lí phải được chuyển hoá thành đổi mới tư duy giáo dục của toàn xã hội. Muốn làm được điều đó, mọi sự thay đổi phải xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, nhằm mục đích phục vụ lợi ích lâu dài của đông đảo nhân dân; công khai, minh bạch phải được xem là yêu cầu hàng đầu trong phong cách hoạch định chính sách và quản lí giáo dục. Có một thách thức lớn phải vượt qua là, mối quan hệ giữa đổi mới và ổn định. Để không làm mất tính ổn định cần thiết đối với quy trình giáo dục, những đổi thay phải theo lộ trình hợp lí, phải được chuẩn bị chu đáo, hội đủ các điều kiện, trong đó điều kiện quan trọng bậc nhất là sự đồng thuận và quán triệt của đông đảo nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục, của cha mẹ học sinh, rộng ra là của toàn xã hội, nhờ đó giữ vững được nền nếp, kỉ cương trong quá trình đổi mới. [1]

CCGD là yêu cầu tất yếu - Năm bài học từ thực tiễn CCGD ở nước ta và các nước khác

30. Để giải quyết những vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực giáo dục, lúc này đang tồn tại hai hướng suy nghĩ khác biệt về đánh giá tình hình và lựa chọn giải pháp: hướng thứ nhất cho rằng cứ tiếp tục đà đổi mới hiện nay, chỉ cần chỉnh sửa, bổ sung nhằm khắc phục các khuyết tật của hệ thống; hướng thứ hai cho rằng cần tiến hành một cuộc cải cách cơ bản và toàn diện. Các nhà giáo, nhà khoa học suy nghĩ theo hướng thứ hai cho rằng, những yếu kém, bất cập và lạc hậu trong lĩnh vực giáo dục đang làm giảm thiểu năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, khiến đất nước đứng trước nguy cơ tụt hậu xa hơn trong tương quan so sánh với các nước trong khu vực và trên thế giới. Hơn nữa, nếu nền giáo dục cứ trong tình trạng như hiện nay thì khó có thể đáp ứng trọn vẹn yêu cầu đào tạo những con người và thế hệ đủ năng lực và ý chí bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Bởi vậy, vấn đề bức

bách lúc này là phải chấn hưng giáo dục nước nhà. Muốn vậy, nhất thiết phải thực hiện một tổng thể các giải pháp mang tính toàn diện, đồng bộ, được tính toán một cách căn cơ, khoa học. Một cuộc cải cách như vậy là thực sự cần thiết, một yêu cầu sống còn, không thể nán ná chần chừ được nữa. [1] [2] [3]

31. Kinh nghiệm nước ngoài và cũng là kinh nghiệm nước ta đã chứng tỏ, để CCGD thành công trọn vẹn, cần thiết phải có các điều kiện sau:

a) CCGD phải được coi là công trình lớn của quốc gia, đặt trong tổng thể các cuộc cải cách kinh tế - xã hội (KTXH) và hướng tới một mục tiêu là phát huy sức mạnh tổng hợp về dân trí, nhân lực, nhân tài để bảo đảm sự thành công của các cuộc cải cách KTXH. Tình trạng thiếu liên kết trong cách xử lí các vấn đề về giáo dục với các vấn đề KTXH khác (các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực giáo dục do các nhà giáo dục định ra không được tính toán kĩ càng căn cứ vào yêu cầu KTXH) đang giảm thiểu hiệu quả đổi mới giáo dục.

b) Để CCGD thành công, cần có sự cam kết mạnh mẽ của Nhà nước, thể hiện bằng luật pháp (một đạo luật hoặc một nghị quyết của Quốc hội quyết về CCGD) và bằng tài chính (Nhà nước có khoản ngân sách dành riêng cho CCGD). Vì là một công trình lớn của quốc gia, dẫu so sánh có phần khập khiễng, song chắc chắn tầm quan trọng không thể kém việc mở thêm một tuyến đường cao tốc hay xây thêm một nhà máy thủy điện dù cỡ lớn bao nhiêu, nên đề án cải cách giáo dục, nhất thiết phải do một uỷ ban bao gồm các chuyên gia trong nước và người Việt ở nước ngoài, có kinh nghiệm và quyết tâm đổi mới, am hiểu về giáo dục và những lĩnh vực liên quan đến giáo dục chịu trách nhiệm soạn thảo. Và đề án cải cách giáo dục phải được Trung ương Đảng và Chính phủ xem xét, trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ sẽ trình để Quốc hội thông qua theo quy định của pháp luật. Quan niệm như vậy chính là thực hiện yêu cầu mà Đại hội Đảng lần thứ X đã đề ra là "khắc phục cách đổi mới chắp vá, thiếu tầm nhìn tổng thể, thiếu kế hoạch đồng bộ". Hơn nữa, như thế chính là huy động sự đóng góp trí lực một nguồn lực quan trọng bậc nhất trong các nguồn lực trong xã hội đầu tư cho giáo dục.

c) Tình trạng không chuyên nghiệp của không ít cán bộ quản lý giáo dục ở các cấp quản lý là trở ngại lớn đối với CCGD. Gần đây nhất, dư luận xã hội đã tỏ ý không đồng tình vì cơ quan quản lý giáo dục không nhất quán trong chủ trương đổi mới, thậm chí ban hành những quy định không đúng thẩm quyền, trái quy định của pháp luật. Rõ ràng, để CCGD thành công, những người điều hành cần có đủ trình độ và bản lĩnh và quan trọng là, có thể huy động, tập hợp, phát huy được trí tuệ của đông đảo đội ngũ trí thức trong nước cũng như trí thức người Việt ở nước ngoài.

d) Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng để đủ phẩm chất và năng lực. Một trong những nguyên nhân hạn chế tác dụng của chương trình giáo dục phổ thông là trình độ hạn chế của giáo viên. Ngay ở đại học, sự hăng hụi về trình độ của giảng viên cũng đang là trở ngại lớn trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Với cách đặt vấn đề như vậy, cải cách sư phạm phải được tiến hành sớm một nhịp trong CCGD.

đ) Xã hội cần tham gia trên cơ sở đồng thuận. Vừa qua, do một số chủ trương đổi mới trong lĩnh vực giáo dục thiếu hiệu quả, trong xã hội có tâm lí e ngại cải cách giáo dục. Đây là một trở ngại cần phải khắc phục để bảo đảm sự thành công khi tiến hành CCGD.

Chấn chỉnh công tác QLGD - Khâu đột phá của CCGD

32. Để tiến hành CCGD, cần sớm thực hiện một lộ trình khắc phục những yếu kém, bất cập trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành hệ thống giáo dục quốc dân hiện nay. Nội dung quan trọng là: (i) xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các cấp Trung ương và địa phương đối với lĩnh vực giáo dục; (ii) xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các ngành trong công tác tài chính và nhân sự giáo dục; (iii) tăng cường quyền tự chủ của nhà trường đi đôi với hoàn thiện cơ chế công khai, minh bạch để bảo đảm sự giám sát của cộng đồng và xã hội; (iv) thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo vào một đầu mối, không tiếp tục duy trì tình trạng tách rời giữa cơ quan quản lý nhà nước về dạy

nghề và cơ quan quản lý về giáo dục và đào tạo để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống giáo dục quốc dân; (v) sắp xếp, bố trí lại các cơ quan quản lý giáo dục để nâng cao tính chuyên nghiệp, bảo đảm mỗi cấp đều thực hiện đúng chức trách, bảo đảm các cán bộ chủ chốt trước hết là người đứng đầu cơ quan quản lý giáo dục có đủ phẩm chất và năng lực biến chủ trương cải cách giáo dục thành hiện thực. [1]

33. Phải tuân theo những quy luật cơ bản của thị trường (quy luật cung - cầu, quy luật cạnh tranh và quy luật giá trị), kiên quyết xóa bỏ cơ chế quản lý kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp dưới mọi hình thức trong lĩnh vực giáo dục, mà biểu hiện tập trung là quan hệ "xin - cho", xây dựng cơ chế giao quyền để cơ sở giáo dục chủ động khai thác, sử dụng các nguồn tài chính đồng thời tăng cường thanh tra, kiểm tra, ngăn ngừa mọi biểu hiện tham nhũng. [1,3]

34. Để quản lý hệ thống giáo dục một cách có hiệu quả, cần có một hệ thống thông tin hiện đại, đủ sức cung cấp các số liệu thống kê phản ánh quy mô, chất lượng, cũng như tình trạng tài chính của lĩnh vực giáo dục. Các số liệu phải bảo đảm chính xác để làm căn cứ cho việc hoạch định chủ trương, chính sách và để nhân dân có cơ sở giám sát, kiểm tra. Các chỉ số, chỉ tiêu phải được xây dựng tương thích với các dữ liệu của các tổ chức quốc tế có uy tín để có thể so sánh, đánh giá cùng với các nước khác. Trên cơ sở tập hợp các dữ liệu chính xác, tiến hành dự báo nhu cầu nhân lực và xây dựng chương trình phát triển nhân lực quốc gia trong kế hoạch 5 năm và 10 năm. Chương trình nhân lực quốc gia cần xác định được nhu cầu nhân lực các cấp trình độ của các ngành KTXH để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo nhân lực, đáp ứng nhu cầu phát triển KTXH và thị trường lao động. [1]

35. Nhanh chóng hình thành hệ thống kiểm định chất lượng thống nhất và khuyến khích các trường áp dụng mô hình quản lý chất lượng. Cùng với việc xây dựng hệ thống chuẩn, cần sớm hình thành hệ thống kiểm định chất lượng thống nhất trong HTGD và củng cố hệ thống thanh tra chuyên môn để thực hiện phương thức quản lý giáo dục theo chuẩn. [1]

36. Nhà trường là nơi thể hiện đặc trưng của một nền giáo dục. Giáo dục mạnh hay yếu, hiện đại hay lạc hậu là ở nơi nhà trường. Bởi vậy, một nhiệm vụ trọng tâm của cải cách QLGD là đổi mới quản trị nhà trường. Trong đó, rất quan trọng lúc này là việc thành lập hội đồng trường ở tất cả các cơ sở giáo dục, với chức năng một hội đồng quyền lực đại diện cho những nhóm "lợi ích liên quan" đến nhà trường. Chỉ trên cơ sở thành lập hội đồng trường mới có điều kiện bảo đảm để giao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục nhằm quản trị hiệu quả, minh bạch và có trách nhiệm xã hội, từ đó mới có thể huy động sự tham gia của cộng đồng vào việc tạo lập môi trường giáo dục lành mạnh và động viên cha mẹ học sinh chăm lo việc học tập của con em. Đối với GDNN và GDĐH, nhà trường phải được giao quyền tự quyết định và chịu trách nhiệm phần lớn nội dung và chương trình đào tạo, về tuyển sinh, về việc mở ngành đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động và cấp bằng tốt nghiệp với uy tín và thương hiệu của mình cũng như về tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự. [1] [3] [12] [13].

37. g) Song song với hệ thống các trường học – cơ sở giáo dục chính quy, có một hệ thống cơ sở giáo dục không chính quy hoạt động nhằm mục đích cung ứng các dịch vụ giáo dục thường xuyên để bảo đảm mọi công dân có nguyện vọng học tập đều có thể thực hiện nguyện vọng của mình thông qua một trong những hình thức học tập tại nơi làm việc hoặc qua phương tiện truyền thông đại chúng.

h) Hệ thống giáo dục bên cạnh nhà trường (thư viện, nhà văn hóa, viện bảo tàng, sân vận động, trại hè) và các tổ chức giáo dục thanh thiếu niên (Đội Thiếu niên và Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên,...) đều được kiện toàn, thu hút học sinh, sinh viên tham gia một cách tự giác, đạt hiệu quả rõ rệt trong hoạt động, phối hợp chặt chẽ với ngành giáo dục và nhà trường tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc giáo dục thế hệ trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Bình và một số nhà giáo, nhà khoa học, *Báo cáo tổng kết đề tài "Luận cứ khoa học cho việc đề xuất chủ trương, chính sách giáo dục phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu và đầy đủ"*, 2007-2008.
2. GS. Hoàng Tuy và một số nhà khoa học, nhà văn, nhà văn hóa, *Kiến nghị của Hội thảo về chấn hưng, cải cách, hiện đại hóa giáo dục*, 2004.
3. GS. Vũ Quang Việt và các thành viên trong nhóm nghiên cứu giáo dục Việt Nam, *Đề án cải cách giáo dục Việt Nam*, 2008.
4. *Bách khoa toàn thư Việt Nam*, <http://bachkhoatoanthu.gov.vn/news.aspx>
5. Viên Chấn Quốc, *Luận về cải cách giáo dục*, bản dịch của Bùi Minh Hiền, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
6. Kornai János, *Lịch sử với những bài học – Bài học chuyển đổi từ Đông Âu*, Nguyễn Quang A tuyển dịch, NXB Tri thức, Hà Nội, 2008.
7. *Luật giáo dục 2005*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Gs Phạm Phú, *Những chủ đề cần cải cách và 9 kiến nghị về "xã hội hóa nguồn lực"* – Báo cáo chuyên đề tham gia đề tài B1-2 TMKHXH.
9. Jacques Delors, *Học tập: Kho báu tiềm ẩn*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
10. Edgar Morin, *Thách đố của thế kỉ XXI – Liên kết tri thức*, Bản dịch của Chu Tiến Anh và Vương Toàn, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. TSKH Phạm Đỗ Nhật Tiến, *Giáo dục Việt Nam: Vị trí trên bản đồ thế giới và xu thế vận động* – Báo cáo chuyên đề tham gia đề tài B1-2 TMKHXH.
12. GS.TSKH Nguyễn Minh Đường, *Thực trạng và giải pháp phát triển giáo dục nghề nghiệp*.
13. GS.TSKH Lâm Quang Thiệp, *Một số vấn đề về giáo dục đại học nước ta hiện nay (qua phân tích hiện trạng và tổng hợp ý kiến chuyên gia)*.
14. Ủy ban Cải cách giáo dục trực thuộc Tổng thống Hàn Quốc, *Cải cách giáo dục cho thế kỷ XXI – Bảo đảm để dẫn đầu trong kỉ nguyên thông tin và toàn cầu hóa*, bản dịch của Nguyễn Quang Kính và Phạm Đỗ Nhật Tiến dịch, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
15. Ban Khoa giáo trung ương, *Triển khai Nghị quyết Đại hội X trong lĩnh vực khoa giáo*, NXB Chính trị Quốc gia.

SUMMARY

This article presents some issues in reform of education management in market economy and from that aspect the role of the State, including: trends in educational development connected with Vietnamese reality; changing of thinkings in education as an important factor for education management reform; 5 lessons from education reforms in Vietnam and other countries; putting education management back on track.